

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 18-9-2020

V/v ly hôn, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Ninh Quang Thế

Ông Dương Hùng Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2020/TLPT-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 về việc “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 134/2020/HNGĐ-ST ngày 24/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 42/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị S, sinh năm 1996 (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Bình Q, sinh năm 1987 (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị T, sinh năm 1960 (có mặt).

Các đương sự cùng địa chỉ cư trú: Ấp Lý Án, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Bình Q; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Lê Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị S và anh Nguyễn Bình Q tự nguyện đi đến hôn nhân, lập T tục đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 12 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Sau khi kết hôn sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm,

thường hay cự cãi nhau, không hòa hợp nên hai đương sự ly thân kể từ ngày 13/4/2020. Xét thấy, hôn nhân không có hạnh phúc nên xin ly hôn anh Q.

Về con chung, nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị S xác định khi kết hôn cha mẹ anh Q có cho vợ chồng 16 chỉ vàng 24K và 18 chỉ vàng 18K, gồm: 01 sợi dây chuyền vàng 24K, 01 tấm lắc tay vàng 24K, 04 nhẫn vàng 24K, 01 kiềng cổ vàng 18K, 01 lắc tay vàng 18K, 01 bộ vòng đeo tay 14 chiếc bằng vàng 18K, 01 bông tai vàng 18K, 01 chiếc nhẫn cưới vàng 18K.

Hiện nay tất cả các tài sản trên do mẹ ruột anh Q là bà Lê Thị T quản lý, chị giao cho bà T vào ngày 13/4/2020, lý do chị S giao vàng lại cho bà T là bà T yêu cầu đưa lại để cưới vợ khác cho anh Q, bà T gây áp lực buộc chị S phải giao lại số vàng trên mới đồng ý cho anh chị sống ly thân nên chị S tạm giao số tài sản trên lại cho bà T quản lý. Sau khi ly hôn chị S yêu cầu bà T trả lại 1/2 số vàng trên.

Bị đơn anh Nguyễn Bình Q trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị S có đăng ký kết hôn đúng pháp luật.

Về con chung, nợ chung: Không có.

Về tài sản: Ngày cưới cha mẹ anh cho tổng số 16 chỉ vàng 24K và 18 chỉ vàng 18K, gồm: 01 sợi dây chuyền vàng 24K (06 chỉ), 01 tấm lắc tay vàng 24K (05 chỉ), 04 nhẫn vàng 24K (05 chỉ), 01 kiềng cổ vàng 18K (3,5 chỉ), 01 lắc tay vàng 18K (03 chỉ), 01 bộ vòng đeo tay 14 chiếc bằng vàng 18K (10 chỉ), 01 bông tai vàng 18K (07 phân) và 01 chiếc nhẫn cưới vàng 18K (khoảng 08 phân).

Từ sau khi kết hôn chung sống không bao lâu thì S muốn ly hôn, gia đình và bản thân anh có nguyện vọng hàn gắn nhưng S không đồng ý. Nên ngày 13/4/2020, mời cha mẹ hai bên và thân tộc tổ chức buổi họp mặt, S cương quyết ly hôn và tự nguyện giao lại toàn bộ tài sản nhờ mẹ anh Q (bà T) cất giữ. Qua yêu cầu của S chia $\frac{1}{2}$ số vàng, anh Q không đồng ý.

Đồng thời, vào ngày 16/6/2020 anh Q có gửi theo đường Bưu điện cho Tòa án nhân dân huyện Cái Nước đơn yêu cầu độc lập đề ngày 08/6/2020 với nội dung yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cái Nước giải quyết buộc chị S phải có trách nhiệm trả lại cho anh số tiền đã mượn là 33.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T trình bày:

Khi Q kết hôn, gia đình bà có cho tổng số vàng là 16 chỉ vàng 24K và 18 chỉ vàng 18K (các loại nữ trang như Q trình bày trên). Bà T không đồng ý yêu cầu chia đôi số vàng của S vì sau khi cưới hơn 01 tháng chính S nói với bà không thương Q nên ly hôn và ngày 13/4/2020 S tự nguyện tháo vàng đang đeo giao lại cho bà để Q cưới vợ khác.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 134/2020/HNGĐ-ST ngày 24/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước quyết định:

Căn cứ: Các Điều 28; 35; 39; 147, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
Các Điều 166, 457 Bộ luật dân sự năm 2015;

Các Điều 9, 33, 53, 56, 57, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị S.

Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị S và anh Nguyễn Bình Q.

Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Huỳnh Thị S đối với anh Nguyễn Bình Q và bà Lê Thị T.

Buộc bà Lê Thị T phải có trách nhiệm giao lại cho chị Huỳnh Thị S 08 chỉ vàng 24K và 09 chỉ vàng 18K.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/8/2020 anh Nguyễn Bình Q và bà Lê Thị T có đơn kháng cáo cùng nội dung, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của chị S về chia tài sản, không đồng ý chia cho chị S 08 chỉ vàng 24K và 09 chỉ vàng 18K.

Tại phiên tòa:

Anh Q trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, không đồng ý giao vàng cho S, vì S cương quyết ly hôn nên về cha mẹ ruột ở 05 ngày, đến ngày 13/4/2020 S và bà Út (mẹ S) đến nhà Q để họp gia đình, hai bên đã thỏa về ly hôn và chia tài sản, S quản lý vàng mà gia đình S cho 01 lượng vàng 24K là chiếc vòng đeo tay; vàng gia đình Q cho ngày cưới thì Q quản lý toàn bộ. Hiện tại bà T đã giao lại vàng Q quản lý.

Chị S trình bày: Đồng ý với án sơ thẩm. Biên bản họp gia đình S không đọc lại; do gia đình Q ép buộc nên S mới giao lại vàng. Cha mẹ S có cho 01 chiếc vòng tay 05 chỉ vàng 24K nhưng cho riêng S.

Bà T trình bày: Gia đình bà không ép buộc S, do S cương quyết ly hôn nên S muốn giải quyết dứt điểm về tài sản, cho nên S tháo vàng giao lại, bà nhận vàng từ S sau vài ngày bà đã giao lại hết số vàng cho Q, bà không còn liên quan đến số vàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về T tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Chấp nhận kháng cáo của bà T; không chấp nhận kháng cáo của anh Q. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 134/2020/HNGĐ-ST ngày 24/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước quyết định: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị S và anh Nguyễn Bình Q. Về tài sản chung: Buộc bà Lê Thị T phải có trách nhiệm giao lại cho chị Huỳnh Thị S 08 chỉ vàng 24K và 09 chỉ vàng 18K. Bà T và anh Q không đồng ý về việc chia tài sản nên kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Bình Q với nội dung không đồng ý chia đôi tài sản cho nên không đồng ý giao cho chị S 08 chỉ vàng 24K và 09 chỉ vàng 18K. Qua xem xét toàn diện chứng cứ thể hiện: Thời điểm chị S, anh Q kết hôn thì gia đình anh Q cho số nữ trang tổng cộng 16 chỉ vàng 24K và 18 chỉ vàng 18K, bản án sơ thẩm xác định toàn bộ số vàng là tài sản chung của chị S, anh Q là đúng pháp luật.

Theo như chị S trình bày, do gia đình chồng gây áp lực, muốn ly thân thì phải giao lại vàng cho nên chị S đã tạm thời giao toàn bộ số vàng cho bà T (mẹ Q) quản lý. Về phía anh Q trình bày, sau khi cưới thì chị S nói không có tình cảm vợ chồng nên muốn ly hôn, từ đó chị S về nhà cha mẹ ruột ở 05 ngày, đến ngày 13/4/2020 gia đình hai bên tổ chức họp mặt thì chị S vẫn cương quyết ly hôn và chia tài sản chung, theo đó toàn bộ số vàng phía anh Q cho thì giao cho anh Q, số vàng gia đình chị S cho 10 chỉ vàng 24K thì S quản lý. Nhận thấy, lời trình bày của anh Q là có cơ sở, bởi lẽ: tại phiên tòa phúc thẩm chị S thừa nhận cha mẹ ruột cho riêng chị 01 chiếc vòng tay 05 chỉ 24K; ngày 13/4/2020 họp thân tộc hai bên có lập biên bản thể hiện hai nội dung: *thứ nhất, về hôn nhân*: Thông gia cố gắng hàn lại cuộc hôn nhân này nhưng vì Huỳnh Thị S cương quyết ly hôn..., sau này Q và S được tự do và có quyền kết hôn; *thứ hai, về tài sản*: *Huỳnh Thị S cương quyết ly hôn và không đòi hỏi gì hết, S đồng ý giao lại số vàng mà bên chồng cho*. Biên bản có sự tham dự của mẹ S, có mẹ ruột S là bà Trịnh Thị Út và S ký tên và S đã giao lại vàng, biên bản này có thể hiện nội dung về xử lý tài sản chung là số vàng cho ngày cưới. Trước khi họp gia đình thì chị S đã về nhà cha mẹ ruột ở, sau đó quay lại nhà anh Q để họp gia đình và lập biên bản. Qua đó cho thấy không ai gây áp lực hoặc ép buộc S, mà thể hiện ý chí tự nguyện của chị S, anh Q về việc chia tài sản chung. Theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Luật hôn nhân và gia đình: “*Thời điểm có hiệu lực của việc chia tài sản chung của vợ chồng là thời điểm do vợ chồng thỏa thuận và được ghi trong văn bản; nếu trong văn bản không xác định thời điểm có hiệu lực thì thời điểm có hiệu lực được tính từ ngày lập văn bản*”. Căn cứ vào quy định này thì thời điểm có hiệu lực về việc chia tài sản chung giữa chị S và anh Q có hiệu lực từ ngày 13/4/2020.

Tuy nhiên, tại phiên tòa anh Q tự nguyện giao lại cho chị S 01 chỉ vàng 24K và 1,5 chỉ vàng 18K được chấp nhận. Vì vậy, yêu cầu chia tài sản của chị S được chấp nhận một phần. Buộc anh Q giao cho chị S 01 chỉ vàng 24K và 1,5 chỉ vàng 18K; anh Q được sở hữu 15 chỉ vàng 24K và 16,5 chỉ vàng 18K (hiện Q đang quản lý).

Đối với kháng cáo của anh Q về yêu cầu chị S thanh toán tiền mượn 33.000.000 đồng. Nội dung này cấp sơ thẩm chưa thụ lý giải quyết, nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[3] Xét kháng cáo của bà Lê Thị T, bà T kháng cáo cùng nội dung với kháng cáo của anh Q là không đồng ý chia cho chị S 08 chỉ vàng 24k và 09 chỉ vàng 18K. Như phân tích trên kháng cáo của anh Q là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T trình bày vàng là tài sản của Q, tại cuộc họp gia đình hai bên, khi S giao vàng thì bà nhận và sau đó bà đã giao lại cho Q, được anh Q thừa nhận, cho nên bà không liên quan gì đến số vàng tranh chấp. Do vậy, kháng cáo của bà T được chấp nhận.

[4] Từ nhận định trên, chấp nhận một phần kháng cáo của anh Q, chấp nhận kháng cáo của bà T; sửa một phần bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 134/2020/HNGĐ-ST ngày 24/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà T nên sửa án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của anh Q. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của anh Q, sửa một phần bản án sơ thẩm như những căn cứ nhận định trên.

[6] Về án phí

6.1. Án phí sơ thẩm

Do sửa một phần bản án sơ thẩm, nên án phí được tính lại:

Anh Q phải chịu án phí có giá ngạch 5% bằng 6.645.000 đồng (giá vàng tính bình Q 5.340.000đ/ 01 chỉ vàng 24K; 3.200.000đ/01 chỉ vàng 18K).

Chị S phải chịu án phí có giá ngạch 5% bằng 507.000 đồng chị S đã nộp tạm ứng án phí 2.000.000 đồng được đối trừ.

6.2. Án phí phúc thẩm

Anh Q không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại.

Bà T không phải chịu án phí phúc thẩm (bà thuộc diện cao tuổi).

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Nguyễn Bình Q và chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị T; sửa bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 134/2020/HNGĐ-ST ngày 24/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị S và anh Nguyễn Bình Q.

2. Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu của chị S về chia tài sản chung.

Buộc anh Nguyễn Bình Q giao cho chị Huỳnh Thị S 01 (một) chỉ vàng 24k và 1,5 chỉ (một chỉ rưỡi) vàng 18k. Anh Q được sở hữu 15 (mười lăm) chỉ vàng 24K và 16,5 chỉ (mười sáu chỉ rưỡi) vàng 18K (hiện Q đang quản lý).

3. Về án phí

3.1- Án phí sơ thẩm

Chị Huỳnh Thị S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí có giá ngạch 507.000 đồng. Chị S đã nộp tiền tạm ứng án phí là 2.000.000 đồng theo biên lai số 0005253 ngày 21/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước được khấu trừ, được nhận lại 1.193.000 đồng.

Anh Nguyễn Bình Q phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 6.645.000 đồng.

3.2- Án phí phúc thẩm

Anh Q không phải chịu, đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0005615 ngày 05/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước được nhận lại.

Bà Lê Thị T thuộc diện được miễn án phí.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền